

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Số: 353/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Quận E, ngày 06 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Kiến H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Tống Thị Kim L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L qua thời gian tìm hiểu 03 (ba) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyển số 01/2007 đăng ký ngày 10/4/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 15 (mười lăm) năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan trọng cuộc sống, ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, rượu chè, đi làm xa và kinh tế gia đình khó khăn. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa rất nhiều lần nhưng không có kết quả, tình hình gia đình ngày một xấu đi và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Căn cứ bản sao các Giấy khai sinh số 141, quyển số 01/2007 ngày 15/5/2007 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Giấy khai sinh số 89/2014, quyển số 01/2014 ngày 18/8/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L thì ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Gia H1, sinh ngày 02/3/2007; Trần Gia H2, sinh ngày 10/8/2014.

Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Gia H1, sinh ngày 02/3/2007; Trần Gia H2, sinh ngày 10/8/2014 cho bà Tống Thị Kim L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Kiến H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung, mỗi trẻ mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 30, Quyền số 01/2007 đăng ký ngày 10/4/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L thì ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Gia H1, sinh ngày 02/3/2007; Trần Gia H2, sinh ngày 10/8/2014.

Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Gia H1, sinh ngày 02/3/2007; Trần Gia H2, sinh ngày 10/8/2014 cho bà Tống Thị Kim L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Kiến H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung, mỗi trẻ mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Trần Kiến H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông H phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Trần Kiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

**2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:** Ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0010108 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Trần Kiến H và bà Tống Thị Kim L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Thái H3**